

Số: 250/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 09 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức
ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2022 - 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên
chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch
công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân Quận 5 về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp
công lập ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức
đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm
học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 5 tại Tờ trình số 122/TTr-NV
ngày 30 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và
Đào tạo Quận 5 năm học 2022 - 2023 đối với 71 (bảy mươi mốt) trường hợp có
tên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5
năm học 2022 - 2023 thông báo kết quả công khai trên trang Thông tin điện tử
của Ủy ban nhân dân Quận 5, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 và gửi Thông
báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến từng ứng viên trúng tuyển
theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông, Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT (VX).UBND/Q.5;
- Lưu: VT. PNV (1b). MT. TH(4)



Trương Minh Kiều



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2022 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 259/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	$(9)+(10)+(11)+(12)+(13)$	(14)	$(14)+(13)=(15)$	(16)

VỊ TRÍ KẾ TOÁN - THU QUỸ

1	MN_002	Tăng Thị Ngọc Hạnh	04/05/1993	Kế toán	Mầm non 8	15.00	40.00	8.00	8.00	4.33	3.67	79.00		79.00	Trúng tuyển
2	MN_001	Lê Phạm Anh Dũng	14/06/1990	Kế toán	MN Hòa Mi 1	17.67	45.00	8.17	7.67	3.17	3.67	85.33		85.33	Trúng tuyển
3	MN_005	Dương Ngọc Thảo	15/10/1990	Kế toán	MN Hòa Mi 2	10.67	43.33	7.33	8.00	4.00	4.33	77.67		77.67	Trúng tuyển
4	TH_016	Lê Thị Mỹ Dung	16/10/1986	Kế toán	TH Chương Dương	11.67	43.33	8.67	9.33	4.33	4.33	81.67		81.67	Trúng tuyển
5	TH_006	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	29/08/1981	Kế toán	TH Lê Văn Tám	14.33	38.33	9.00	9.33	4.00	4.67	79.67		79.67	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thì)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)+(8)+(9) (17)+(11)+(10)+(6)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)
6	TH_039	Phạm Đào Hồng Hà	18/11/1989	Kế toán	TH Huỳnh Kiến Hoa	11.33	33.67	8.33	9.33	4.00	4.67	71.33		71.33	Trúng tuyển
7	TH_013	Nguyễn Thị Thủy Tiên	04/09/1991	Kế toán	TH Trần Quốc Toàn	16.67	41.67	7.67	8.33	4.00	4.00	82.33		82.33	Trúng tuyển
8	TH_002	Dương Thị Minh Thu	18/01/1981	Kế toán	TH Minh Đạo	17.33	44.67	8.67	9.00	4.00	4.67	88.33		88.33	Trúng tuyển
9	TH_020	Trần Hồ Minh Duy	09/05/1991	Kế toán	TH Hùng Vương	14.33	37.00	8.33	9.00	3.00	4.33	76.00		76.00	Trúng tuyển
10	THCS_010	Nguyễn Ngọc Bích	15/01/1979	Kế toán	THCS Lý Phong	14.00	40.00	8.33	9.00	5.33	4.67	81.33		81.33	Trúng tuyển
11	THCS_007	Nguyễn Hoàng Minh Thị	05/02/1990	Kế toán	THCS Trần Bội Cơ	17.67	43.33	8.67	8.00	4.33	4.67	86.67		86.67	Trúng tuyển
12	TH_003	Nguyễn Thị Kim Loan	26/09/1974	Nhân viên thủ quỹ	TH Minh Đạo	18.67	46.00	9.33	9.33	3.67	4.67	91.67		91.67	Trúng tuyển
VỊ TRÍ NHÂN VIÊN Y TẾ															
1	MN_003	Phạm Thị Cẩm Hằng	20/05/1991	Nhân viên y tế	Mầm non 8	10.33	40.67	8.33	8.00	3.33	4.67	75.33		75.33	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sắt hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(9)+(10)+(11)+(12) =(7)+(13)	(14)	(14)+(13)=(15)	(16)
2	TH_004	Trịnh Thị Nhung	15/09/1982	Nhân viên y tế	TH Trần Bình Trọng	16.67	40.33	8.67	9.33	4.33	4.67	84.00		84.00	Trúng tuyển
3	TH_007	Lê Thị Ngọc Hân	05/12/1992	Nhân viên y tế	TH Huỳnh Mẫn Đạt	18.33	40.33	9.67	9.67	4.00	4.67	86.67		86.67	Trúng tuyển
4	TH_030	Hồ Thị Thu Ngân	20/06/1989	Nhân viên y tế	TH Bàn Sen	18.67	46.67	9.00	9.00	4.33	4.67	92.33		92.33	Trúng tuyển
5	TH_015	Nguyễn Thị Mai Phuong	21/10/1983	Nhân viên y tế	TH Chuong Duong	18.67	46.67	9.67	10.00	5.00	5.00	95.00		95.00	Trúng tuyển
6	TH_012	Nguyễn Thị Minh Trang	11/05/1987	Nhân viên y tế	TH Lê Văn Tám	17.67	41.67	9.67	9.67	5.00	5.00	88.67		88.67	Trúng tuyển
7	TH_008	Đỗ Thị Bảo	07/12/1975	Nhân viên y tế	TH Huỳnh Kiến Hoa	18.33	44.00	9.00	10.00	4.67	4.67	90.67		90.67	Trúng tuyển
8	TH_010	Lưu Thị Thanh Mai	08/04/1977	Nhân viên y tế	TH Phạm Hồng Thái	13.67	37.00	7.33	10.00	4.67	4.67	77.33		77.33	Trúng tuyển
9	TH_011	Nguyễn Thị Minh Hồng	05/11/1987	Nhân viên y tế	TH Chính Nghĩa	17.00	42.67	9.33	10.00	5.00	4.67	88.67		88.67	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thì)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)+(11)+(12)+(9)+(8)+(7)=(51)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)
10	THCS_006	Nguyễn Thị Thu An	02/04/1991	Nhân viên y tế	THCS Ba Đình	18.00	43.00	9.33	9.33	5.00	5.00	89.67	5 (Con TB)	94.67	Trúng tuyển
11	THCS_005	Nguyễn Thị Minh Tâm	09/01/1996	Nhân viên y tế	THCS Mạch Kiếm Hùng	17.00	41.67	9.33	10.00	4.33	4.67	87.00		87.00	Trúng tuyển
12	THCS_003	Bùi Thị Liên	07/08/1988	Nhân viên y tế	THCS Trần Bội Cơ	17.00	43.33	8.67	9.33	4.00	4.67	87.00		87.00	Trúng tuyển

VỊ TRÍ NHÂN VIÊN THƯ VIỆN, NHÂN VIÊN VĂN THƯ

1	TH_023	Võ Thị Tuyết Luyến	20/08/1985	Nhân viên thư viện	TH Chương Dương	8.33	33.33	9.00	9.67	4.67	4.67	69.67		69.67	Trúng tuyển
2	TH_036	Nguyễn Thị Kim Nhưng	14/06/1986	Nhân viên thư viện	TH Lê Văn Tám	14.33	30.00	7.67	8.33	4.67	4.33	69.33		69.33	Trúng tuyển
3	THCS_004	Cao Yên Gia Ái	27/10/1998	Nhân viên thư viện	THCS Ba Đình	18.00	30.00	8.00	9.67	5.00	5.00	75.67	5 (Dân tộc thiểu số)	80.67	Trúng tuyển
4	THCS_015	Nguyễn Huỳnh Diễm Phúc	26/01/1989	Nhân viên văn thư	THCS Lý Phong	16.00	50.00	9.33	10.00	3.33	4.33	93.00		93.00	Không trúng tuyển
5	THCS_016	Nguyễn Thùy Dương	02/06/1984	Nhân viên văn thư	THCS Lý Phong	16.67	48.33	10.00	10.00	5.00	5.00	95.00		95.00	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sắt hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)+(8)+(9) +(10)+(11)+(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)

VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON, GIÁO VIÊN GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

[illegible]

[illegible]

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	$(13)=(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)$	(14)	$(15)=(13)+(14)$	(16)
7	TH_032	Lê Thị Phương Thảo	13/01/1999	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Huỳnh Mãn Đạt	17.67	39.00	9.33	10.00	5.00	5.00	86.00		86.00	Trúng tuyển
8	TH_014	Châu Thị Cẩm Nhi	24/07/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bàu Sen	17.33	38.67	8.67	10.00	5.00	5.00	84.67		84.67	Trúng tuyển
9	TH_027	Nguyễn Hoàng Thủy Vy	10/01/1992	Giáo viên dạy Tin học	TH Chương Dương	5.00	22.67	8.00	10.00	5.00	5.00	55.67		55.67	Trúng tuyển
10	TH_025	Chung Thị Hằng	28/03/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Minh Đạo	10.00	37.67	9.33	10.00	5.00	5.00	77.00	⁵ (Dân tộc thiểu số)	82.00	Trúng tuyển
11	TH_026	Nguyễn Thùy Phương Lý	30/09/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Minh Đạo	20.00	33.33	8.67	10.00	5.00	5.00	82.00		82.00	Trúng tuyển
12	TH_037	Huỳnh Trương Gia Hân	26/09/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Minh Đạo	17.33	38.67	9.33	10.00	4.67	5.00	85.00		85.00	Trúng tuyển
13	TH_001	Trương Phụng Nhi	30/07/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	20.00	30.00	8.67	10.00	5.00	4.67	78.33		78.33	Trúng tuyển
14	TH_009	Võ Thị Thu Hương	28/01/1987	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	5.67	23.00	8.67	10.00	5.00	5.00	57.33		57.33	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thì)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(71)+(11)+(10)+(13)+(8)+(9)=(71)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)
15	TH_022	Vũ Thanh Ngân	22/03/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	18.00	34.33	9.00	10.00	5.00	4.67	81.00		81.00	Trúng tuyển
16	TH_024	Nguyễn Hoàng Ngọc Trần	06/02/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	19.33	40.00	9.33	10.00	5.00	5.00	88.67		88.67	Trúng tuyển
17	TH_033	Đỗ Tiến Đạt	26/07/1990	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	9.33	14.67	6.33	10.00	2.83	5.00	48.17		48.17	Không trúng tuyển
18	TH_035	Bùi Thị Ngọc Hân	20/06/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chính Nghĩa	6.67	20.00	8.67	10.00	5.00	5.00	55.33		55.33	Trúng tuyển
19	TH_021	Huỳnh Thị Tú Hào	01/01/1998	Giáo viên dạy Thế dục	TH Chính Nghĩa	5.00	10.67	7.33	9.33	3.67	3.17	39.17		39.17	Không trúng tuyển
20	TH_005	Vương Kim Định	12/11/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	14.67	20.67	8.33	9.33	4.33	4.67	62.00	5 (Dân tộc thiểu số)	67.00	Không trúng tuyển
21	TH_029	Nguyễn Vũ Minh Thư	10/07/1999	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	10.00	35.67	9.00	10.00	4.33	5.00	74.00		74.00	Trúng tuyển
22	TH_019	Võ Minh Khôi	13/01/1995	Giáo viên dạy Thế dục	TH Hùng Vương	11.00	43.67	8.67	9.33	3.33	5.00	81.00		81.00	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	$(13)=(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)$	(14)	$(15)=(13)+(14)$	(16)

VỊ TRÍ GIÁO VIÊN THCS - THPT

1	THCS_011	Mai Lạc Cẩn	19/08/2000	Giáo viên dạy Lịch sử	THCS Ba Đình	10.00	30.00	5.00	10.00	5.00	5.00	65.00		65.00	Trúng tuyển
2	THCS_001	Trần Thị Bích Hảo	06/05/1999	Giáo viên dạy Hóa học	THCS Kim Đồng	17.33	40.00	8.00	10.00	5.00	5.00	85.33		85.33	Không trúng tuyển
3	THCS_012	Huỳnh Minh Nhật	13/11/1995	Giáo viên dạy Hóa học	THCS Kim Đồng	19.00	41.33	10.00	10.00	3.67	5.00	89.00		89.00	Trúng tuyển
4	THCS_014	Hà Tiểu Vân	23/11/1999	Giáo viên dạy Hóa học	THCS Kim Đồng	15.00	40.00	8.67	10.00	4.00	5.00	82.67	5 (Đan tộc thiểu số)	87.67	Không trúng tuyển
5	THCS_008	Phạm Triết	04/09/1993	Giáo viên dạy Mỹ thuật	THCS Lý Phong	18.33	43.33	9.33	10.00	2.67	5.00	88.67		88.67	Trúng tuyển
6	THCS_009	Nguyễn Thị Trà Mi	11/03/2000	Giáo viên dạy Sinh học	THCS Lý Phong	13.33	46.67	8.67	10.00	4.33	5.00	88.00		88.00	Trúng tuyển
7	THCS_013	Nguyễn Kỳ Hoàng Long	30/10/1999	Giáo viên dạy Hóa học	THCS Lý Phong	18.33	23.33	10.00	10.00	5.00	5.00	71.67		71.67	Không trúng tuyển
8	THCS_017	Thềm Ngọc Sơn Tuyên	29/05/1998	Giáo viên dạy Hóa học	THCS Lý Phong	16.00	38.33	8.67	10.00	4.00	4.33	81.33		81.33	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ đăng ký	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Câu 1 (20Đ)	Câu 2 (50Đ)	Trình bày (10Đ)	Tác phong (10Đ)	Chữ viết (5Đ)	Giọng nói (5Đ)	Điểm kiểm tra, sát hạch (100Đ)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)+(8)+(9) (21)+(11)+(12) (10)+(11)+(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)
9	THCS_018	Tô Thị Thu Thủy	27/08/1995	Giáo viên dạy Địa lý	THCS Lý Phong	16.00	35.00	10.00	10.00	3.67	5.00	79.67		79.67	Trúng tuyển
10	GDTX_001	Võ Thị Mai Thanh	09/03/1981	Giáo viên dạy Toán học	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	20.00	22.67	10.00	9.33	4.33	5.00	71.33		71.33	Trúng tuyển

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

